



Đồng Tháp, ngày 13 tháng 08 năm 2025

Số: 359/2025/CBTT-DTG

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính soát xét cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào 30/06/2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco
- Mã chứng khoán: DTG
- Địa chỉ: Lô 08, 09 CCN và TTCN Tân Mỹ Chánh, Phường Mỹ Phong, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0273.3872.972
- Email: ir@tipharco.vn Website: <https://tipharco.vn/>

1. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính soát xét cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào 30/06/2025 bao gồm báo cáo tài chính riêng. Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

- Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính:

☐ Có

☒ Không

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán):

☐ Có

☒ Không

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không



2. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên: Công ty không phát sinh giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong kỳ báo cáo.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 13/08/2025 tại đường dẫn: <https://tipharco.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh/2025-BCTC>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính;
- Văn bản giải trình.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ THANH TÙNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM TIPHARCO**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Tháp, ngày 13 tháng 08 năm 2025

Số: 360/2025/CV-DTG

*V/v: Giải trình biến động kết quả kinh doanh
tại Báo cáo tài chính soát xét cho kỳ tài chính
06 tháng đầu năm 2025.*

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; và
- Căn cứ Báo cáo tài chính soát xét cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào 30/06/2025.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco (DTG) giải trình với Quý Ủy ban, Quý Sở về biến động doanh thu và lợi nhuận sau thuế trong Báo cáo tài chính soát xét cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào 30/06/2025 so với cùng kỳ năm 2024 như sau:

ĐVT: VND

TT	Chỉ tiêu	06 Tháng 2025	06 Tháng 2024	2025/2024
1	Doanh thu thuần	124.247.993.893	149.689.844.582	83,00%
2	Giá vốn hàng bán	100.116.771.982	114.904.438.876	87,13%
3	Lợi nhuận gộp	24.131.221.911	34.785.405.706	69,37%
4	Lợi nhuận thuần	575.074.350	11.777.930.928	4,88%
5	Lợi nhuận trước thuế	746.153.275	12.061.977.696	6,19%
6	Lợi nhuận sau thuế	635.547.474	10.002.638.250	6,35%

Nguồn: Báo cáo tài chính soát xét cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào 30/06/2025

Ngành dược phẩm trong 6 tháng đầu năm 2025 đối mặt với hàng loạt thách thức: sức tiêu thụ giảm, tỷ giá biến động, chi phí đầu vào gia tăng, và mức độ cạnh tranh nội ngành ngày càng gay gắt. Đặc biệt, các thị trường truyền thông có tốc độ tiêu thụ chậm, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Để giữ vững thị phần và hỗ trợ hệ thống phân phối trong giai đoạn khó khăn, Công ty đã chủ động áp dụng các chính sách bán hàng đa dạng phù hợp với từng nhóm khách hàng, tuy nhiên doanh thu thuần chỉ đạt khoảng 83% so với cùng kỳ. Doanh thu giảm kéo theo sản lượng 6 tháng đầu năm 2025 giảm so với cùng kỳ, do đó làm tăng chi phí sản xuất trên 1 đơn vị sản phẩm. Ngoài ra, tỷ giá năm 2025 tăng nhiều so với năm 2024. Các yếu tố này làm giá vốn giảm không tương ứng với doanh thu. Doanh thu giảm trong khi biên lợi nhuận bị thu hẹp đã ảnh hưởng đáng kể đến kết quả sau thuế.

Tuy nhiên, điểm sáng nổi bật là công tác thu hồi công nợ được đẩy nhanh, các khoản nợ vay được ưu tiên thanh toán. Những điểm trên cho thấy khả năng tạo dòng tiền của doanh nghiệp, sức khỏe tài chính được cải thiện và giảm rủi ro thanh khoản. Đây là nền tảng quan trọng để Công ty triển khai các bước phục hồi tăng trưởng và nâng cao hiệu quả trong các quý tới.

Dù kết quả lợi nhuận sau thuế trong kỳ chưa đạt kỳ vọng, Công ty vẫn theo đuổi chiến lược phát triển theo hướng chủ động thích ứng, cân bằng giữa mục tiêu tăng trưởng doanh thu và ổn định tài chính. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục:

- Rà soát hiệu quả các chương trình khuyến mãi, chính sách bán hàng;
- Tái cấu trúc danh mục sản phẩm, ưu tiên phát triển các dòng có biên lợi nhuận tốt và khả năng tăng trưởng cao;
- Duy trì ổn định dòng tiền, đồng thời tăng cường tính linh hoạt trong vận hành để kịp thời thích ứng với diễn biến thị trường.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu,

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO



**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM TIPHARCO**

Báo cáo tài chính đã được soát xét
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2025



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5 – 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	7 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	12 – 13
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	14 – 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco được thành lập và hoạt động theo Giấy phép đăng ký doanh nghiệp số 1200100557 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 02 năm 2006, và đăng ký thay đổi lần thứ 22 vào ngày 16 tháng 07 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Cổ phiếu của Công ty có mã chứng khoán là DTG được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 841/QĐ-SGDHN ngày 24 tháng 07 năm 2024:

Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán	: DTG
Mệnh giá	: 10.000 VND/cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu niêm yết	: 8.352.573 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá	: 83.525.730.000 VND

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.
(Địa chỉ cũ là Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam)
- Điện thoại : 0273 3 871 817
- Fax : 0273 3 885 040

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp như sau:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
Chi tiết: Cho thuê quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản thuộc sở hữu gắn liền với đất đối với trường hợp được Nhà nước cho thuê đất; Mua, bán, cho thuê nhà và quyền sử dụng đất không để ở. (Loại trừ: không thực hiện hoạt động "đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng").
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
Chi tiết: Kho chứa hàng hóa thông thường, kho đông lạnh.
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Chuyển giao công nghệ và dịch vụ chuyển giao công nghệ; Dịch vụ nghiên cứu và phát triển sản phẩm.
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;
Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
Chi tiết: Sản xuất các loại sirô giải khát. Sản xuất nước tinh khiết đóng chai, đóng bình các dạng.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu hóa chất. (Loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm).
- Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
Chi tiết: Sản xuất các loại rượu thuốc đóng chai các dạng.
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
Chi tiết: Bán lẻ thuốc và các sản phẩm do Công ty sản xuất; Bán lẻ vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế ngành y, dược; mỹ phẩm, thực phẩm chức năng (Loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm).
- Bán buôn đồ uống;
Chi tiết: Kinh doanh nước tinh khiết đóng chai, đóng bình các dạng. Kinh doanh các loại sirô giải khát. Kinh doanh các loại rượu thuốc đóng chai các dạng. (Loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu;

Chi tiết: Sản xuất thuốc các loại. Sản xuất hóa dược và dược liệu. Sản xuất sản phẩm thực vật cho mục đích làm thuốc.

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;

Chi tiết: Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu dược phẩm và vật tư y tế, thiết bị sản xuất kinh doanh thuộc ngành y tế; Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu mỹ phẩm; Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu dụng cụ y tế. (loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm).

- Sản xuất điện;

Chi tiết: Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời.

- Truyền tải và phân phối điện;

Chi tiết: Truyền tải điện. Phân phối điện (loại trừ: không thực hiện hoạt động truyền tải, điều độ Hệ thống điện quốc gia).

- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;

Chi tiết: Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế.

- Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa;

Chi tiết: Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa.

- Sản xuất vắc xin, sinh phẩm, mỹ phẩm, chế phẩm, bao bì. Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu nguyên liệu. Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu vắc xin, sinh phẩm, chế phẩm, bao bì. Gia công, nhượng quyền trong sản xuất kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế, thực phẩm chức năng, vắc xin, sinh phẩm, mỹ phẩm, chế phẩm, nguyên liệu, hóa chất, bao bì, thiết bị sản xuất kinh doanh thuộc ngành y tế. Sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm chức năng. Sản xuất tinh dầu từ thảo dược. (loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm).

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ như sau: Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu, chi tiết: Sản xuất thuốc các loại; Sản xuất hóa dược và dược liệu; Sản xuất sản phẩm thực vật cho mục đích làm thuốc.

2. Các Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

<u>Ho và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đặng Việt Anh	Chủ tịch
Ông Lê Thanh Tùng	Phó Chủ tịch
Ông Đặng Thị Thu Hằng	Thành viên
Bà Lý Thị Xuân Mai	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2025)
Ông Đỗ Ngọc An	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2025)
Ông Lưu Hoài Nam	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2025)
Bà Trần Thị Kiều Tiên	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2025)
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên độc lập
Ông Thái Văn Hùng	Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

<u>Ho và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đồng Hải Hà	Trưởng ban
Bà Trần Thị Bích Nhi	Phó trưởng ban
Ông Hoàng Quốc Trung	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2025)
Ông Lê Văn Sơn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2025)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên

Chức vụ

Ông Lê Thanh Tùng

Tổng Giám đốc

Bà Lý Thị Xuân Mai

Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Họ và tên

Chức vụ

Bà Lê Thị Mỹ Tiên

Kế toán trưởng

Đại diện pháp luật

Họ và tên

Chức vụ

Ông Đặng Việt Anh

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Lê Thanh Tùng

Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025.

6. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

7. Công bố các báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố các Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc vào cùng ngày, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Ông Lê Thanh Tùng

Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 08 năm 2025



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers

Số: 048/2025/BCSX-CT.00007

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 08 năm 2025, từ trang 7 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được soát xét và kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính vào ngày 12 tháng 08 năm 2024 và ngày 21 tháng 03 năm 2025.



TRẦN ĐẶC NHA

Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2111-2023-009-1

Người được ủy quyền cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHANH CẦN THƠ

Thành phố Cần Thơ, ngày 11 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		173.762.727.366	229.500.850.814
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	13.105.132.737	16.360.889.595
Tiền	111		13.105.132.737	16.360.889.595
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		62.013.217.042	108.504.362.863
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	62.535.651.333	107.875.457.413
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	367.498.900	1.484.740.870
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4.1	500.690.808	98.575.456
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(1.390.623.999)	(954.410.876)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.6	98.150.232.898	104.450.741.473
Hàng tồn kho	141		98.361.983.607	105.244.836.291
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(211.750.709)	(794.094.818)
Tài sản ngắn hạn khác	150		494.144.689	184.856.883
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	477.990.305	184.856.883
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	16.154.384	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		101.962.673.886	107.328.943.801
Các khoản phải thu dài hạn	210		305.895.000	305.895.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.4.2	305.895.000	305.895.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		92.627.067.312	97.526.831.759
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	92.077.067.312	96.976.831.759
Nguyên giá	222		202.779.789.982	202.174.138.982
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(110.702.722.670)	(105.197.307.223)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	550.000.000	550.000.000
Nguyên giá	228		550.000.000	550.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		9.029.711.574	9.496.217.042
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	8.470.171.633	8.897.014.237
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.10	559.539.941	599.202.805
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		275.725.401.252	336.829.794.615

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		89.031.790.672	150.771.731.509
Nợ ngắn hạn	310		88.361.465.672	150.044.223.176
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	23.988.967.140	18.976.823.385
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	4.208.273.231	5.448.623.515
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	979.908.110	4.846.444.496
Phải trả người lao động	314		2.616.403.736	5.544.489.515
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	571.138.947	903.909.836
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	3.956.042.800	2.771.295.600
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	51.780.787.055	111.292.692.176
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.17	259.944.653	259.944.653
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		670.325.000	727.508.333
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.18	670.325.000	727.508.333
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		186.693.610.580	186.058.063.106
Vốn chủ sở hữu	410	5.19	186.693.610.580	186.058.063.106
Vốn góp của chủ sở hữu	411		83.525.730.000	83.525.730.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		83.525.730.000	83.525.730.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		33.634.115.000	33.634.115.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		19.313.275.717	19.313.275.717
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		50.220.489.863	49.584.942.389
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		49.584.942.389	26.447.598.584
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		635.547.474	23.137.343.805
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		275.725.401.252	336.829.794.615

PHẠM THỊ THU LANH
Người lập biểu

LÊ THỊ MỸ TIÊN
Kế toán trưởng



LÊ THANH TÙNG

Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1.1	127.536.442.904	150.458.863.097
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1.1	3.288.449.011	769.018.515
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		124.247.993.893	149.689.844.582
Giá vốn hàng bán	11	6.2	100.116.771.982	114.904.438.876
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.131.221.911	34.785.405.706
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	179.669.877	26.104.842
Chi phí tài chính	22	6.4	2.934.022.396	2.411.041.564
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.760.967.898	3.336.114.107
Chi phí bán hàng	25	6.5	5.501.008.993	5.842.796.323
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	15.300.786.049	14.779.741.733
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		575.074.350	11.777.930.928
Thu nhập khác	31	6.7	171.078.925	288.357.677
Chi phí khác	32	6.8	-	4.310.909
Lợi nhuận khác	40		171.078.925	284.046.768
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		746.153.275	12.061.977.696
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.13	70.942.937	1.648.174.412
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.13.1	39.662.864	411.165.034
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		635.547.474	10.002.638.250
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	76	1.377

PHẠM THỊ THU LANH
Người lập biểu

LÊ THỊ MỸ TIÊN
Kế toán trưởng



LÊ THANH TÙNG
Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		746.153.275	12.061.977.696
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		5.505.415.447	5.464.037.489
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		(203.314.319)	(2.869.100.541)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		5.517.226	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12.358.995)	(35.043.942)
Chi phí lãi vay	06		2.760.967.898	3.336.114.107
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.802.380.532	17.957.984.809
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		46.078.441.178	(10.665.437.998)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.882.852.684	(59.581.674.769)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		540.564.168	46.962.787.345
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		133.709.182	(1.193.179.958)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.760.967.898)	(3.336.114.107)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.069.372.352)	(2.249.492.075)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		56.607.607.494	(12.105.126.753)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(364.451.000)	(15.460.928.442)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		-	25.454.545
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	6.500.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.358.995	9.589.397
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(352.092.005)	(8.925.884.500)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	48.546.799.555	129.641.990.662
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(108.058.704.676)	(112.756.000.000)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(6.286.625)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(59.511.905.121)	16.879.704.037
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.256.389.632)	(4.151.307.216)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		16.360.889.595	10.517.368.916
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		632.774	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	13.105.132.737	6.366.061.700

PHẠM THỊ THU LANH
Người lập biểu

LÊ THỊ MỸ TIÊN
Kế toán trưởng



LÊ THANH TÙNG
Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 08 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco được thành lập và hoạt động theo Giấy phép đăng ký doanh nghiệp số 1200100557 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 02 năm 2006, và đăng ký thay đổi lần thứ 22 vào ngày 16 tháng 07 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2025 và 01 tháng 01 năm 2025 là 83.525.730.000 VND tương đương với 6.315.928 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Cổ phiếu của Công ty có mã chứng khoán là DTG được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 841/QĐ-SGDHN ngày 24 tháng 07 năm 2024:

Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán	: DTG
Mệnh giá	: 10.000 VND/cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu niêm yết	: 8.352.573 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá	: 83.525.730.000 VND

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh dược phẩm.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp như sau:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
Chi tiết: Cho thuê quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản thuộc sở hữu gắn liền với đất đối với trường hợp được Nhà nước cho thuê đất; Mua, bán, cho thuê nhà và quyền sử dụng đất không để ở. (loại trừ: không thực hiện hoạt động "đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng").
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
Chi tiết: Kho chứa hàng hóa thông thường, kho đông lạnh.
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Chuyển giao công nghệ và dịch vụ chuyển giao công nghệ; Dịch vụ nghiên cứu và phát triển sản phẩm.
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;
Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
Chi tiết: Sản xuất các loại sirô giải khát. Sản xuất nước tinh khiết đóng chai, đóng bình các dạng.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu hóa chất. (loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm).
- Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
Chi tiết: Sản xuất các loại rượu thuốc đóng chai các dạng.
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
Chi tiết: Bán lẻ thuốc và các sản phẩm do Công ty sản xuất; Bán lẻ vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế ngành y, dược; mỹ phẩm, thực phẩm chức năng (loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

- Bán buôn đồ uống;

Chi tiết: Kinh doanh nước tinh khiết đóng chai, đóng bình các dạng. Kinh doanh các loại sirô giải khát. Kinh doanh các loại rượu thuốc đóng chai các dạng. (loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm).

- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu;

Chi tiết: Sản xuất thuốc các loại. Sản xuất hóa dược và dược liệu. Sản xuất sản phẩm thực vật cho mục đích làm thuốc.

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;

Chi tiết: Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu dược phẩm và vật tư y tế, thiết bị sản xuất kinh doanh thuộc ngành y tế; Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu mỹ phẩm; Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu dụng cụ y tế. (loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm).

- Sản xuất điện;

Chi tiết: Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời.

- Truyền tải và phân phối điện;

Chi tiết: Truyền tải điện. Phân phối điện (loại trừ: không thực hiện hoạt động truyền tải, điều độ Hệ thống điện quốc gia).

- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;

Chi tiết: Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế.

- Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa;

Chi tiết: Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa.

- Sản xuất vắc xin, sinh phẩm, mỹ phẩm, chế phẩm, bao bì. Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu nguyên liệu.

Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu vắc xin, sinh phẩm, chế phẩm, bao bì. Gia công, nhượng quyền trong sản xuất kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế, thực phẩm chức năng, vắc xin, sinh phẩm, mỹ phẩm, chế phẩm, nguyên liệu, hóa chất, bao bì, thiết bị sản xuất kinh doanh thuộc ngành y tế. Sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm chức năng. Sản xuất tinh dầu từ thảo dược. (loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm).

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ như sau: Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu, chi tiết: Sản xuất thuốc các loại; Sản xuất hóa dược và dược liệu; Sản xuất sản phẩm thực vật cho mục đích làm thuốc.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, tổng số nhân viên của Công ty là 259 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 265 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư 53/2016/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường còn dở dang.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng hữu ích không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê 472 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định hữu hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	Thời gian
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50 năm
Máy móc thiết bị	2 - 15 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	5 - 25 năm

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất (quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao).

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị góp vốn thực tế của các cổ đông.

4.11 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

4.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - + Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - + Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả từng năm trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.15 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

4.16 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mau tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá trị phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi. Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi bù trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.17 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét các mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của các mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý. Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Tên đối tượng	Quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA	Đồng quản lý bởi nhân sự chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	Đồng quản lý bởi nhân sự chủ chốt
Công ty Cổ phần Magnolia Investment	Đồng quản lý bởi nhân sự chủ chốt
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	2.627.085.078	247.299.879
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
+ VND	10.470.995.332	16.106.367.736
+ USD (*)	7.052.327	7.221.980
	13.105.132.737	16.360.889.595

(*) Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 30 tháng 06 năm 2025:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
+ USD	272,08	7.052.327
		7.052.327

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	19.344.365	-
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty TNHH Dược phẩm Pegasus	12.722.277.630	27.704.660.490
Các khách hàng khác	49.794.029.338	80.170.796.923
	62.535.651.333	107.875.457.413

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Trả trước cho người bán khác		
Roshn Technology New Material (ZhengYang) Co., Ltd	-	500.799.600
Công ty Cổ phần Kỹ thuật VN TND	-	188.853.770
Viện Kiểm nghiệm Thuốc TP.Hồ Chí Minh	-	306.500.000
Công ty TNHH Khoa học và Công nghệ Saticus	104.720.000	206.937.500
Công ty Cổ phần Chứng khoán SBS	125.000.000	125.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh	44.000.000	-
Các nhà cung cấp khác (*)	93.778.900	156.650.000
	367.498.900	1.484.740.870

(*) Trong đó, số nguyên tệ là 350,00 USD, tương ứng với 9.131.500 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

5.4 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức, cá nhân khác				
Ông Nguyễn Hoàng Việt - Tạm ứng	290.787.891	-	-	-
Các đối tượng khác - Phải thu khác	209.902.917	-	98.575.456	-
	500.690.808	-	98.575.456	-

5.4.2 Phải thu dài hạn khác

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Magnolia Investment - ký quỹ	305.145.000	-	305.145.000	-
Phải thu các tổ chức, cá nhân khác				
Các đối tượng khác - Phải thu khác	750.000	-	750.000	-
	305.895.000	-	305.895.000	-

5.5 Nợ xấu

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND
Phải thu bán hàng	3.648.324.943	2.257.700.944	2.330.470.000	1.376.059.124
	3.648.324.943	2.257.700.944	2.330.470.000	1.376.059.124

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Nợ phải thu bán hàng VND
Tại ngày 01/01/2025	(954.410.876)
Trích bổ sung trong kỳ	(436.213.123)
Xóa nợ trong kỳ	-
Tại ngày 30/06/2025	(1.390.623.999)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

5.6 Hàng tồn kho

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	27.944.967.196	(211.750.709)	36.511.980.260	(423.660.958)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.938.377.858	-	2.880.022.521	-
Thành phẩm	63.373.928.175	-	64.183.690.406	(370.433.860)
Hàng hóa	113.852.300	-	425.020.300	-
Hàng gửi đi bán	990.858.078	-	1.244.122.804	-
	98.361.983.607	(211.750.709)	105.244.836.291	(794.094.818)

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí bảo hiểm	182.912.805	27.541.693
Phần mềm máy tính	280.280.000	112.922.690
Chi phí khác	14.797.500	44.392.500
	477.990.305	184.856.883

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí sửa chữa tài sản	523.671.112	1.591.572.762
Chi phí thuê đất	6.394.113.930	6.491.733.990
Chi phí khác	1.552.386.591	813.707.485
	8.470.171.633	8.897.014.237

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

5.8 Tình hình tăng/ (giảm) tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2025	52.603.724.573	97.143.087.271	52.427.327.138	202.174.138.982
Mua sắm trong kỳ	-	358.750.000	246.901.000	605.651.000
Tại ngày 30/06/2025	52.603.724.573	97.501.837.271	52.674.228.138	202.779.789.982
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2025	13.744.456.900	69.755.065.636	21.697.784.687	105.197.307.223
Khấu hao trong kỳ	717.989.190	3.035.305.069	1.752.121.188	5.505.415.447
Tại ngày 30/06/2025	14.462.446.090	72.790.370.705	23.449.905.875	110.702.722.670
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2025	38.859.267.673	27.388.021.635	30.729.542.451	96.976.831.759
Tại ngày 30/06/2025	38.141.278.483	24.711.466.566	29.224.322.263	92.077.067.312

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2025	773.236.081	37.443.566.878	9.920.560.088	48.137.363.047
Tại ngày 30/06/2025	773.236.081	41.377.141.878	9.920.560.088	52.070.938.047

Giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay:

Tại ngày 01/01/2025	32.337.909.976	11.509.780.311	14.369.019.527	58.216.709.814
Tại ngày 30/06/2025	31.765.153.486	10.326.351.615	13.534.147.589	55.625.652.690

5.9 Tình hình tăng/ (giảm) tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2025	550.000.000
Tại ngày 30/06/2025	550.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2025	-
Tại ngày 30/06/2025	-
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2025	550.000.000
Tại ngày 30/06/2025	550.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

5.10 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	01/01/2025	Hoàn nhập trong kỳ	30/06/2025
	VND	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	599.202.805	(39.662.864)	559.539.941
	599.202.805	(39.662.864)	559.539.941

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	Nguyên tệ USD	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải trả các bên liên quan			
Công ty Cổ phần Magnolia Investment		378.921.096	-
Phải trả các nhà cung cấp khác			
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ 2B		2.973.575.871	-
Sinopharm Weiqida Pharmaceutical Co.,Ltd	123.000,00	3.231.210.000	-
Công ty TNHH Multipack		2.956.288.995	2.081.751.705
Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quốc tế Phúc Đan		3.429.083.507	3.800.767.442
Các nhà cung cấp khác		11.019.886.871	13.094.304.238
		23.988.967.140	18.976.823.385

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty Cổ phần Dược phẩm Vian	-	569.624.235
Công ty TNHH Dược phẩm Hiệp Thuận Thành	633.322.009	624.063.856
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm An Pha	138.752.190	1.434.219.458
Công ty Cổ phần Dược phẩm Vũ Duy	435.733.312	435.733.312
Công ty Cổ phần Villamed	527.158.070	257.603.670
Công ty Cổ phần Gspharm	534.050.295	524.469.045
Các khách hàng khác (*)	1.939.257.355	1.602.909.939
	4.208.273.231	5.448.623.515

(*) Trong đó số nguyên tệ là 2.799,00 USD tương ứng với 65.608.560 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2025		Số phát sinh trong kỳ		30/06/2025	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT đầu ra	1.733.467.186	-	874.234.550	(1.733.467.185)	874.234.551	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	2.487.851.460	(2.487.851.460)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.982.275.031	-	70.942.937	(3.069.372.352)	-	(16.154.384)
Thuế thu nhập cá nhân	130.702.279	-	729.944.669	(754.973.389)	105.673.559	-
Tiền thuê đất	-	-	163.414.390	(163.414.390)	-	-
Các khoản khác	-	-	7.000.000	(7.000.000)	-	-
	4.846.444.496	-	4.333.388.006	(8.216.078.776)	979.908.110	(16.154.384)

Thuế giá trị gia tăng:

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng 5%, 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Công ty được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học công nghệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	746.153.275	12.061.977.696
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	541.213.123	416.355.585
- Các khoản điều chỉnh giảm	(739.527.442)	(2.055.825.170)
Thu nhập chịu thuế	547.838.956	10.422.508.111
- Thu nhập được ưu đãi thuế	386.248.544	4.363.272.103
- Thu nhập không được ưu đãi thuế	161.590.412	6.059.236.008
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế suất được ưu đãi	10%	10%
- Thuế suất phổ thông	20%	20%
Tổng thuế TNDN phải nộp	70.942.937	1.648.174.412

5.13.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp	39.662.864	411.165.034
	39.662.864	411.165.034

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Trích trước thù lao cho Hội đồng Quản trị	525.000.000	420.000.000
Trích trước chi phí khác	46.138.947	483.909.836
	571.138.947	903.909.836

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải trả của các đơn vị và cá nhân khác		
Công ty TNHH Circa Pharmacy - ký quỹ	1.200.000.000	1.200.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Dược Nam Hùng - ký quỹ	400.000.000	400.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoà Phát - ký quỹ	435.000.000	-
Công ty TNHH Dược phẩm Windi - ký quỹ	500.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Quốc tế Hưng Thịnh - ký quỹ	303.046.290	303.046.290
Phải trả ngắn hạn khác	1.117.996.510	868.249.310
	3.956.042.800	2.771.295.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	51.780.787.055	51.780.787.055	111.292.692.176	111.292.692.176
	51.780.787.055	51.780.787.055	111.292.692.176	111.292.692.176

Đây là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng số 01/2024/433498/HĐTD, có tổng hạn mức vay 120.000.000.000 VND, thời hạn vay từ 5 đến 6,5 tháng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, với thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất đến ngày 30/06/2025 từ 6%/năm đến 6,6%/năm, khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định của đơn vị, số dư tại ngày 30/06/2025 là 51.780.787.055 VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	01/01/2025	Số tiền vay trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	30/06/2025
	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	111.292.692.176	48.546.799.555	(108.058.704.676)	51.780.787.055
	111.292.692.176	48.546.799.555	(108.058.704.676)	51.780.787.055

5.17 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2025	Trích quỹ trong kỳ	Sử dụng quỹ trong kỳ	30/06/2025
	VND	VND	VND	VND
Quỹ phúc lợi	259.944.653	-	-	259.944.653
	259.944.653	-	-	259.944.653

5.18 Dự phòng phải trả dài hạn

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải trả của các đơn vị và cá nhân khác		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	670.325.000	727.508.333
	670.325.000	727.508.333

5.19 Vốn chủ sở hữu

5.19.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2024	72.632.100.000	33.634.115.000	19.313.275.717	37.341.228.584	162.920.719.301
Lãi trong kỳ	-	-	-	10.002.638.250	10.002.638.250
Tại ngày 30/06/2024	72.632.100.000	33.634.115.000	19.313.275.717	47.343.866.834	172.923.357.551
Tại ngày 01/07/2024	72.632.100.000	33.634.115.000	19.313.275.717	47.343.866.834	172.923.357.551
Lãi trong kỳ	-	-	-	13.134.705.555	13.134.705.555
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	10.893.630.000	-	-	(10.893.630.000)	-
Tại ngày 31/12/2024	83.525.730.000	33.634.115.000	19.313.275.717	49.584.942.389	186.058.063.106
Tại ngày 01/01/2025	83.525.730.000	33.634.115.000	19.313.275.717	49.584.942.389	186.058.063.106
Lãi trong kỳ	-	-	-	635.547.474	635.547.474
Tại ngày 30/06/2025	83.525.730.000	33.634.115.000	19.313.275.717	50.220.489.863	186.693.610.580

5.19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	30/06/2025			01/01/2025		
	Cổ phần	VND	Tỷ lệ	Cổ phần	VND	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Hồ Nam	2.076.325	20.763.250.000	24,86%	2.076.325	20.763.250.000	24,86%
Bà Đặng Thị Thu Hằng	2.038.568	20.385.680.000	24,41%	2.038.568	20.385.680.000	24,41%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	1.754.957	17.549.570.000	21,01%	1.754.957	17.549.570.000	21,01%
Bà Nguyễn Phương Hoa	941.296	9.412.960.000	11,27%	941.296	9.412.960.000	11,27%
Công ty Cổ phần Magnolia Investmen	431.100	4.311.000.000	5,16%	431.100	4.311.000.000	5,16%
Các cổ đông khác	1.110.327	11.103.270.000	13,29%	1.110.327	11.103.270.000	13,29%
	8.352.573	83.525.730.000	100%	8.352.573	83.525.730.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

5.19.3 Cổ phiếu

	30/06/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.352.573	8.352.573
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	8.352.573	8.352.573
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	8.352.573	8.352.573
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	8.352.573	8.352.573
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	8.352.573	8.352.573

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND.

5.20 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ**Ngoại tệ các loại**

	30/06/2025	01/01/2025
Dollar Mỹ (USD)	272,08	285,28
	272,08	285,28

Kim khí quý, đá quý

	30/06/2025		01/01/2025	
	Số lượng (chỉ)	VND	Số lượng (chỉ)	VND
Vàng nhẫn trơn 24K	14	73.760.000	72	382.580.000
	14	73.760.000	72	382.580.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****6.1.1 Tổng doanh thu**

	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Tổng doanh thu	127.536.442.904	150.458.863.097
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	419.400.000	3.364.393.636
Doanh thu bán thành phẩm	127.023.399.412	146.988.813.825
Doanh thu cung cấp dịch vụ	93.643.492	105.655.636
Các khoản giảm trừ doanh thu	3.288.449.011	769.018.515
<i>Trong đó:</i>		
Chiết khấu thương mại	3.022.117.811	215.350.115
Hàng bán bị trả lại	266.331.200	553.668.400
Doanh thu thuần	124.247.993.893	149.689.844.582

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Doanh thu bán hàng cho các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh 9.2

6.2 Giá vốn hàng bán

	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Giá vốn bán hàng hóa	371.070.000	3.069.805.169
Giá vốn bán thành phẩm	100.328.046.091	114.208.879.632
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(582.344.109)	(2.374.245.925)
	100.116.771.982	114.904.438.876

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	12.358.995	9.589.397
Lãi chênh lệch tỷ giá	167.310.882	16.515.445
	179.669.877	26.104.842

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

6.4 Chi phí tài chính

	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	2.760.967.898	3.336.114.107
Lỗ chênh lệch tỷ giá	104.486.781	358.631.399
Chiết khấu thanh toán	68.567.717	-
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	-	(1.283.703.942)
	2.934.022.396	2.411.041.564

6.5 Chi phí bán hàng

	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	3.445.168.500	3.882.492.147
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.136.898.351	815.543.706
Chi phí khấu hao tài sản cố định	102.728.772	102.728.772
Thuế và lệ phí	40.450.586	16.722.550
Chi phí bán hàng khác	775.762.784	1.025.309.148
	5.501.008.993	5.842.796.323

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.203.178.622	7.647.768.801
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.998.588.164	4.691.715.404
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	436.213.123	788.849.326
Chi phí khấu hao tài sản cố định	251.773.704	258.202.974
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.411.032.436	1.393.205.228
	15.300.786.049	14.779.741.733

6.7 Thu nhập khác

	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	25.454.545
Trong đó:		
- Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	25.454.545
- Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	-	-
Thu nhập khác	171.078.925	262.903.132
	171.078.925	288.357.677

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

6.8 Chi phí khác

	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Chi phí khác	-	4.310.909
	-	4.310.909

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	83.132.044.203	134.801.405.822
Chi phí nhân công	18.981.073.646	21.924.219.686
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.505.415.447	5.464.037.489
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.651.417.859	10.366.772.508
Chi phí khác	2.663.458.929	3.224.486.252
	122.933.410.084	175.780.921.757

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	635.547.474	10.002.638.250
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông như sau:		
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	635.547.474	10.002.638.250
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	8.352.573	7.263.210
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	76	1.377

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	48.546.799.555	129.641.990.662

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	108.058.704.676	112.756.000.000

8. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét, thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho các rủi ro nói trên như sau:

i Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của mình.

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

ii Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 30 tháng 06 năm 2025			
Các khoản vay và nợ	51.780.787.055	-	51.780.787.055
Phải trả người bán	23.988.967.140	-	23.988.967.140
Phải trả khác và chi phí phải trả	4.499.165.947	-	4.499.165.947
	80.268.920.142	-	80.268.920.142
Ngày 01 tháng 01 năm 2025			
Các khoản vay và nợ	111.292.692.176	-	111.292.692.176
Phải trả người bán	18.976.823.385	-	18.976.823.385
Phải trả khác và chi phí phải trả	3.646.936.836	-	3.646.936.836
	133.916.452.397	-	133.916.452.397

Tài sản đảm bảo

Công ty đã dùng tài sản cố định hữu hình của mình để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 và ngày 30 tháng 06 năm 2025 (xem tại thuyết minh 5.8).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

Giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng	62.535.651.333	107.875.457.413	61.145.027.334	106.921.046.537
Các khoản phải thu khác	806.585.808	404.470.456	806.585.808	404.470.456
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.105.132.737	16.360.889.595	13.105.132.737	16.360.889.595
	76.447.369.878	124.640.817.464	75.056.745.879	123.686.406.588
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	51.780.787.055	111.292.692.176	51.780.787.055	111.292.692.176
Phải trả người bán	23.988.967.140	18.976.823.385	23.988.967.140	18.976.823.385
Phải trả khác và chi phí phải trả	4.499.165.947	3.646.936.836	4.499.165.947	3.646.936.836
	80.268.920.142	133.916.452.397	80.268.920.142	133.916.452.397

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và ngày 01 tháng 01 năm 2025. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc		
Ông Đặng Việt Anh	-	57.500.000
Ông Lê Thanh Tùng	757.165.383	706.530.975
Bà Đặng Thị Thu Hằng	-	36.000.000
Bà Lý Thị Xuân Mai	671.827.860	647.088.583
Ông Lưu Hoài Nam	-	42.000.000
Bà Trần Thị Kiều Tiên	-	36.000.000
Ông Nguyễn Quốc Khánh	-	28.500.000
Ông Thái Văn Hùng	-	36.000.000
Ban Kiểm soát		
Ông Đồng Hải Hà	-	28.500.000
Bà Trần Thị Bích Nhi	-	24.000.000
Ông Lê Văn Sơn	-	9.500.000
Kế toán trưởng		
Bà Lê Thị Mỹ Tiên	216.848.000	238.352.923
	1.645.841.243	1.889.972.481

Giao dịch với các bên liên quan như sau

	Nội dung	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Bà Trần Thị Kiều Tiên	Chuyển nhượng vốn đầu tư vào công ty con	-	3.300.000.000
		-	3.300.000.000

9.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

Công ty liên quan	Nội dung	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	Bán hàng/dịch vụ	17.911.449	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA	Mua hàng/dịch vụ	322.731.805	331.474.371
Công ty Cổ phần Magnolia Investment	Mua hàng/dịch vụ	1.028.419.350	981.785.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

Số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên có liên quan

Công ty liên quan	Nội dung	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu với các bên có liên quan			
Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Tâm Sinh	Phải thu bán hàng	19.344.365	-
Công ty Cổ phần Magnolia Investment	Ký quỹ dài hạn	305.145.000	305.145.000
Phải trả với các bên có liên quan			
Công ty Cổ phần Magnolia Investment	Phải trả người bán	378.921.896	-

9.3 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính chủ yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo các bộ phận trên báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là sản xuất và kinh doanh dược phẩm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe và ở khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

9.4 Các cam kết**Cam kết thuê hoạt động**

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

Chỉ tiêu	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Dưới 1 năm	1.000.783.350	2.001.566.700
	1.000.783.350	2.001.566.700

Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

Chỉ tiêu	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	-	319.444.830
	-	319.444.830

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

9.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

PHẠM THỊ THU LANH
Người lập biểu

LÊ THỊ MỸ TIÊN
Kế toán trưởng



LÊ THANH TÙNG
Tổng Giám đốc
Đồng Tháp, ngày 11 tháng 08 năm 2025

